Name: ……...

Class: S2…

Tel: 034 200 9294

Ngày GV giao bài: Thứ……., ngày…./….

Ngày HS nộp bài: Thứ……., ngày…./….

Grammar: ……

Listening: ……

Mini Test: ……

GLOBAL ENGLISH 2

UNIT 5 - LET'S MEASURE - GRAMMAR REVISION

A. EXTRA VOCABULARY

No.	Words	Meaning	No.	Words	Meaning
1	**CD player** (n)	máy phát đĩa CD	3	**forget** (v) → **forgot** (v_2)	quên
2	**nothing** (pronoun)	không có gì, chẳng có gì	4	**amusement park** (n phr.)	công viên giải trí

**Note:* *n = noun: danh từ; v = verb: động từ; v_2 = động từ dạng quá khứ đơn; pronoun = đại từ; n phr. = noun phrase: cụm danh từ*

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 DÒNG vào vở ghi*

B. HOMEWORK

I. Choose the correct answer. *(Chọn đáp án đúng.)*

0. Last week, we _____ to the amusement park.
   a. go b. went c. gone
1. Yesterday, he _____ to the party.
   a. came b. come c. comes
2. Last night, my mom _____ pasta for dinner.
   a. made b. make c. makes
3. I _____ a story two days ago.
   a. write b. writed c. wrote
4. This morning, the kids _____ a big dog on the street.
   a. see b. saw c. seen
5. Last weekend, my dad _____ in a running race.
   a. ran b. run c. running

II. Underline the correct option. *(Gạch chân lựa chọn đúng.)*

0. It's **too cold** / **cold too** outside.
1. The chicken is **to** / **too** salty.
2. This bag is **too heavy** / **heavy to**.
3. Amy is **fast too** / **too fast**.

LIVEWORKSHEETS

4. The movie was **too / to** boring.
5. I can't eat this pizza. It's **too spicy / spicy too**!

III. Match the two halves. *(Nối hai nửa câu với nhau.)*

0. Yesterday, we went	0 - **c**	a. red hat.
1. This chair is	1 -	b. this morning.
2. Anna wears a big	2 -	c. to the zoo.
3. They drew a tiny	3 -	d. letter yesterday.
4. I saw a bird	4 -	e. green house.
5. They wrote a	5 -	f. too small.

IV. Complete the sentences with the correct adjective order. *(Điền trật tự tính từ đúng vào câu.)*

0. She has a ***big red hat***. **(red/big/hat)**
1. I saw a _____ in the tree. **(bird/yellow/small)**
2. We find a _____ on the beach. **(pink/tiny/shell)**
3. He builds a _____. **(white/large/snowman)**
4. My sister loves her _____. **(small/backpack/purple)**
5. They played with a _____. **(big/balloon/green)**

V. Correct the mistakes in the sentences. *(Sửa lỗi sai trong các câu sau.)*

0. She writed a letter to her grandma yesterday.

   → ***She wrote a letter to her grandma yesterday.***

1. They runned in the park yesterday.

   → _____

2. I goed to the shop this morning.

   → _____

3. We seeed a beautiful bird last week.

   → _____

4. My mom maked cookies last night.

   → _____

5. He drawed a big red house this afternoon.

   → _____

LIVEWORKSHEETS

C. MOVERS LISTENING PRACTICE

Con hãy làm các bài nghe dưới đây theo link sau:
https://on.soundcloud.com/E6Xb8BBhskWMZqYD9

Pre-listening: Listen to the audio and fill in the blanks with the correct words from the conversation.
(Nghe và điền vào chỗ trống với từ chính xác từ cuộc trò chuyện.)

~~orange~~	ice cream	carrot
sweets	bag	player

0. *But my friends drink **orange** juice.*
1. But she brought _____ juice!
2. She only had a _____ with nothing in it!
3. She brought _____.
4. Well, Charlie tried to make a cake but it wasn't good, so he brought a CD _____ so we could all dance.
5. Yes, but it was the _____ too!

Listening

Part 3

- 5 questions -

Jim is telling his mum about a party and what he and his friends brought for the party. What did each child bring?
Listen and write a letter in each box. There is one example.


Jim [E]


Pat [ ]


Sue [ ]


May [ ]


Charlie [ ]

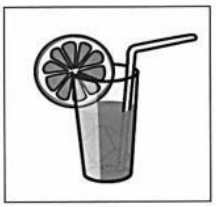

Grace [ ]

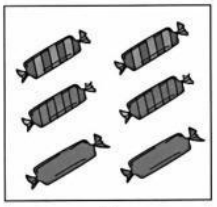

A

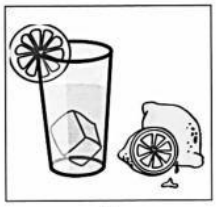

B


C


D


E


F


G


H

LIVEWORKSHEETS